

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Thanh Ngọc Cảnh

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kim K, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 56, tổ 2, ấp TĐ, thị trấn OE, huyện ThS, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Lưu Thái B, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TĐ, thị trấn OE, huyện ThS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đỗ Thị Kim K trình bày:*

Chị và anh B do tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2012 tại UBND phường An Thới, quận B Thủy, thành phố Cần Thơ. Trong thời gian chung sống giữa chị và anh K phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B không chăm lo cho gia đình, quan tâm vợ con mặc dù chị K đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được khiến cho mâu thuẫn vợ chồng càng lúc càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Hiện nay, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, cũng không còn tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung tên Lưu Đỗ Thái T, sinh ngày 20/3/2014 và Lưu Đỗ Thái Tr, sinh ngày 19/4/2020. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để chị K và anh B thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B đều vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh B nhưng anh B tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa: Chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh B và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh B vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, cho chị K được ly hôn anh B. Về con chung, giao cháu Lưu Đỗ Thái T và Lưu Đỗ Thái Tr cho chị Đỗ Thị Kim K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị K không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Đỗ Thị Kim K và anh Lưu Thái B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số II/2012, do UBND phường An Thới, quận B Thủy, thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/10/2012). Anh Lưu Thái B có hộ khẩu thường trú tại: Ấp TĐ, thị trấn OE, huyện ThS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Lưu Thái B vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

*[3] Xét việc tranh chấp:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/10/2012 tại UBND phường An Thới, quận B Thủy, thành phố Cần Thơ theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị K trình bày, trong thời gian chung sống anh B không yêu thương, quan tâm đến vợ con, mặc dù chị K đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B không thay đổi nên đến tháng 12/2020 cả hai không còn chung sống với nhau, trong thời gian xa cách hai bên cũng không muốn hàn gắn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh B vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

[3.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị K và anh B xảy ra mâu thuẫn do anh B ham mê cờ bạc nhiều lần gây nợ nần, mặc dù chị K đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên mâu thuẫn càng lúc càng nghiêm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải để hai bên thương lượng nhưng anh B đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị K, điều này cho thấy anh B không có ý muốn hàn gắn tình cảm. Do mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị K là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, chị K được ly hôn anh B.

*[4] Về con chung:* Quá trình chung sống chị K và anh B có hai con chung tên: Lưu Đỗ Thái T, sinh ngày 20/3/2014 và Lưu Đỗ Thái Tr, sinh ngày 19/4/2020. Hiện nay cháu T và cháu Tr đang sống chung với chị K, khi ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T thể hiện nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống chung với mẹ là chị K khi cha mẹ ly hôn. Xét yêu cầu của chị K phù hợp với nguyện

vọng của cháu T nên để các cháu có thể ổn định về tâm lý và phát triển B thường nên việc giao cháu T và cháu Tr cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, giao cháu Lưu Đỗ Thái T và Lưu Đỗ Thái Tr cho chị Đỗ Thị Kim K tiếp tục nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị K về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng chị K vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của chị K trong việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

*[5] Về tài sản chung, nợ chung:* Chị K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

*[6] Về án phí:* Chị Đỗ Thị Kim K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Lưu Thái B không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim K.

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị Kim K được ly hôn anh Lưu Thái B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139, quyển số II/2012, do UBND phường An Thới, quận B Thủy, thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/10/2012 cho chị Đỗ Thị Kim K và anh Lưu Thái B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

*2. Về con chung:* Giao cháu Lưu Đỗ Thái T, sinh ngày 20/3/2014 và Lưu Đỗ Thái Tr, sinh ngày 19/4/2020 cho chị Đỗ Thị Kim K tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Kim K không yêu cầu anh Lưu Thái B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lưu Thái B và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Đỗ Thị Kim K. Chị Đỗ Thị Kim K và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lưu Thái B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị Kim K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008938 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Anh Lưu Thái B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND P.An Thới, Q, B Thủy TP.Cần Thơ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Linh**